TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị D và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Nhàn

Bà Trần Thị Ngoan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông **Võ Minh Mẫn** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 680/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1992

Trú tại: Tổ 14, ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1985

Trú tại: Tổ 14, ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị D và anh Q chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kêt hôn tại UBND xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân: Do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Q uống rượu về đánh đập chị, vợ chồng sống ly thân nhau 05 tháng nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 người tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/11/2013. Hiện con đang sống với chị, chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn Q trình bày:

Anh Q và chị D chung sống với nhau vào năm 2012 đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn UBND xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra bất cứ mâu thuẫn gì, chỉ có một lần vợ chồng có gây gổ với nhau nên chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh có qua năn nỉ chị D về sống lại nhưng chị D không về cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn nhưng anh còn thương vợ con nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 người tên Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/11/2013. Hiện con đang sống với chị D. Do anh Q xin được đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc xin ly hôn với anh Lê Văn Q; Về con chung: Giao cho chị D chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/11/2013. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D, anh Q không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: chị D và anh Q xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định cảu pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Văn Q chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét về mâu thuẫn thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị D và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không đồng chung quan điểm. Đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng anh Q, chị D sống ly thân từ tháng 6/2017 (AL) đến nay. Anh Q cho rằng còn thương vợ con xin được đoàn tụ nhưng không có thiện chí trong việc hòa giải và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cho chị D và anh Q ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh Q có 01 con chung là Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/11/2013. Hiện con đang sống chung với chị D, chị D xin được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy từ trước đến nay cháu K sống chung với chị D vẫn bảo đảm cuộc sống và quyền lợi về mọi mặt

nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung***:** Không yêu cầu giải quyết, nợ chung anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D về việc xin ly hôn với anh Lê Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 15/11/2013.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh Q không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D và anh Q xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018362 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.CT;
- THADS H.CT;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng